

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: MARKETING DƯỢC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
1	2213240112	Lê Quang Bảo	Anh	22/07/1993	02DS14A1	9.0	7.0	7.7		10.0		9.1	Đạt
2	2213360203	Trần Ngọc	Bích	19/03/2006	02DS14C1	10.0	8.0	8.7		7.5		8.0	Đạt
3	2213240153	Lê Ngọc Huỳnh	Châu	28/11/1996	02DS14A1	9.0	8.5	8.7		9.0		8.9	Đạt
4	2213360232	Lê Thúy	Diệu	08/9/2006	02DS14C1	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
5	2213180001	Trần Văn	Đức	02/01/1965	02DS14A1	10.0	8.5	9.0		9.0		9.0	Đạt
6	2213360038	Nguyễn Tiến	Dũng	07/09/2006	02DS14C1	10.0	7.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
7	2213360277	Nguyễn Trường Khánh	Duyên	08/03/2005	02DS14C1	6.0	6.0	6.0		2.5		3.9	Thi lại
8	2213360022	Nguyễn Thu	Hà	18/03/2004	02DS14C1	6.0	7.0	6.7		6.5		6.6	Đạt
9	2213180015	Phạm Thị	Hoa	20/08/1990	02DS14A1	9.0	8.0	8.3		10.0		9.3	Đạt
10	2213360157	Trần Thị Thu	Hoài	26/07/1993	02DS14C1	10.0	8.0	8.7		9.5		9.2	Đạt
11	2213360196	Đàm Đình	Hợp	30/07/2006	02DS14C1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
12	2213360112	Lương Huỳnh Gia	Huy	01/06/2006	02DS14C1	9.0	6.0	7.0		8.5		7.9	Đạt
13	2213360347	Ngô Phi Gia	Huy	02/08/2006	02DS14C1	9.0	8.0	8.3		6.0		6.9	Đạt
14	2213360001	Quý Công Huyền Tôn Nữ	Lam	31/05/2003	02DS14C1	7.0	7.5	7.3		8.0		7.7	Đạt
15	2213240163	Võ Thành	Luân	18/01/2003	02DS14A1	9.0	7.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
16	2213360114	Trịnh Hoàng Bích	Ngọc	20/07/2006	02DS14C1	7.0	7.5	7.3		8.0		7.7	Đạt
17	2213240015	Nguyễn Thảo	Nguyên	03/10/1992	02DS14A1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
18	2213360076	Nguyễn Thị Yến	Nhi	25/02/2006	02DS14C1	8.0	7.0	7.3		4.5		5.6	Đạt
19	2213240164	Trịnh Thị	Như	23/08/1996	02DS14A1	10.0	8.0	8.7		9.5		9.2	Đạt
20	2213360224	Phạm Đoàn Tuyết	Nhung	14/04/2005	02DS14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
21	2213240095	Lê Hồng	Nữ	01/01/1993	02DS14A1	8.5	6.5	7.2		10.0		8.9	Đạt
22	2213360247	Nguyễn Lan	Phương	29/09/2006	02DS14C1	10.0	8.0	8.7		5.0		6.5	Đạt
23	2213360101	Hồ Ngọc Xuân	Quỳnh	21/11/2006	02DS14C1	10.0	8.0	8.7		5.5		6.8	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: MARKETING DƯỢC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
24	2213180003	Dương Tấn Thanh	20/09/1976	02DS14A1	10.0	9.0	9.3		9.5		9.4	Đạt
25	2213360062	Lâm Thành	29/04/1996	02DS14C1	9.5	9.0	9.2		10.0		9.7	Đạt
26	2213360165	Phạm Phương Thảo	03/06/2006	02DS14C1	10.0	8.0	8.7		7.0		7.7	Đạt
27	2213360185	Đặng Võ Văn Thịnh	01/02/2006	02DS14C1	10.0	7.0	8.0		7.5		7.7	Đạt
28	2213240166	Nguyễn Thị Diệu Thu	10/01/1999	02DS14A1	10.0	8.0	8.7		9.5		9.2	Đạt
29	2213360306	Võ Thị Anh Thư	11/01/2006	02DS14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
30	2213360097	Giang Quỳnh Thương	21/07/2006	02DS14C1	7.5	7.5	7.5		2.5		4.5	Đạt
31	2213360178	Lê Thị Thương	10/12/1998	02DS14C1	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
32	2213240128	Nguyễn Thị Thúy	22/01/2003	02DS14A1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
33	2213180004	Lê Thị Thùy Trang	04/04/1993	02DS14A1	10.0	8.5	9.0		9.5		9.3	Đạt
34	2213360259	Trần Thị Quỳnh Trang	01/08/2006	02DS14C1	10.0	7.5	8.3		8.0		8.1	Đạt
35	2213240207	Nguyễn Thị Thu Trang	22/07/1997	02DS14A1	9.0	7.5	8.0		9.0		8.6	Đạt
36	2213360078	Trương Hoàng Trinh	02/06/2004	02DS14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
37	2213360009	Phan Nguyễn Thanh Trúc	31/03/2003	02DS14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
38	2213360105	Nguyễn Nguyễn Tuấn Tú	29/08/2006	02DS14C1	10.0	7.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
39	2213240195	Chiêm Thanh Tuyền	03/03/1997	02DS14A1	10.0	7.5	8.3		9.5		9.0	Đạt
40	2213360054	Nguyễn Hải Vân	31/10/2003	02DS14C1	9.0	7.5	8.0		9.0		8.6	Đạt
41	2213360225	Phạm Thị Yến Vi	24/01/2006	02DS14C1	10.0	7.5	8.3		8.0		8.1	Đạt
42	2213240157	Lê Ngọc Xuân	19/06/1988	02DS14A1	10.0	6.5	7.7		7.0		7.3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: THỰC TẬP DƯỢC LÂM SÀNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
1	2213240112	Lê Quang Bảo	Anh	22/07/1993	02DS14A1	8.5	7.7	7.9		9.2		8.7	Đạt
2	2213360203	Trần Ngọc	Bích	19/03/2006	02DS14C1	6.9	5.8	6.1		3.8		4.7	Đạt
3	2213240153	Lê Ngọc Huỳnh	Châu	28/11/1996	02DS14A1	8.5	7.3	7.7		7.2		7.4	Đạt
4	2213360232	Lê Thúy	Diệu	08/9/2006	02DS14C1	9.2	6.9	7.6		8.5		8.1	Đạt
5	2213180001	Trần Văn	Đức	02/01/1965	02DS14A1	6.6	7.3	7.1		6.7		6.8	Đạt
6	2213360038	Nguyễn Tiến	Dũng	07/09/2006	02DS14C1	5.1	6.3	5.9		3.8		4.6	Đạt
7	2213360277	Nguyễn Trường Khánh	Duyên	08/03/2005	02DS14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
8	2213360022	Nguyễn Thu	Hà	18/03/2004	02DS14C1	6.4	6.7	6.6		4.8		5.5	Đạt
9	2213180015	Phạm Thị	Hoa	20/08/1990	02DS14A1	10.0	8.2	8.8		9.2		9.0	Đạt
10	2213360157	Trần Thị Thu	Hoài	26/07/1993	02DS14C1	9.1	7.5	8.0		8.2		8.1	Đạt
11	2213360196	Đàm Đình	Hợp	30/07/2006	02DS14C1	5.2	5.4	5.3		5.0		5.1	Đạt
12	2213360112	Lương Huỳnh Gia	Huy	01/06/2006	02DS14C1	7.2	5.9	6.3		5.2		5.6	Đạt
13	2213360347	Ngô Phi Gia	Huy	02/08/2006	02DS14C1	5.0	5.8	5.5		4.0		4.6	Đạt
14	2213360001	Quý Công Huyền Tôn Nữ Cúc	Lam	31/05/2003	02DS14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
15	2213240163	Vô Thành	Luân	18/01/2003	02DS14A1	6.5	6.5	6.5		4.8		5.5	Đạt
16	2213360114	Trịnh Hoàng Bích	Ngọc	20/07/2006	02DS14C1	6.2	6.2	6.2		6.2		6.2	Đạt
17	2213240015	Nguyễn Thảo	Nguyên	03/10/1992	02DS14A1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
18	2213360076	Nguyễn Thị Yến	Nhi	25/02/2006	02DS14C1	7.6	7.1	7.2		5.5		6.2	Đạt
19	2213240164	Trịnh Thị	Như	23/08/1996	02DS14A1	8.7	8.2	8.4		8.5		8.4	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: THỰC TẬP DƯỢC LÂM SÀNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
20	2213240095	Lê Hồng	Nữ	01/01/1993	02DS14A1	8.2	8.0	8.1		7.0		7.4	Đạt
21	2213360247	Nguyễn Lan	Phuong	29/09/2006	02DS14C1	5.6	5.8	5.7		6.2		6.0	Đạt
22	2213360101	Hồ Ngọc Xuân	Quỳnh	21/11/2006	02DS14C1	8.5	6.7	7.3		5.0		5.9	Đạt
23	2213180003	Dương Tấn	Thanh	20/09/1976	02DS14A1	9.4	8.2	8.6		8.7		8.6	Đạt
24	2213360062	Lâm	Thành	29/04/1996	02DS14C1	10.0	8.4	8.9		10.0		9.6	Đạt
25	2213360165	Phạm Phương	Thảo	03/06/2006	02DS14C1	6.6	5.4	5.8		6.0		5.9	Đạt
26	2213360185	Đặng Võ Văn	Thịnh	01/02/2006	02DS14C1	7.1	6.7	6.8		7.0		6.9	Đạt
27	2213240166	Nguyễn Thị Diệu	Thu	10/01/1999	02DS14A1	6.7	7.5	7.2		6.5		6.8	Đạt
28	2213360097	Giang Quỳnh	Thương	21/07/2006	02DS14C1	5.7	4.4	4.8	TBKT			1.9	Học lại
29	2213360178	Lê Thị	Thương	10/12/1998	02DS14C1	8.0	7.5	7.7		8.8		8.4	Đạt
30	2213240128	Nguyễn Thị	Thúy	22/01/2003	02DS14A1	7.6	3.9	5.1		3.3		4.1	Đạt
31	2213180004	Lê Thị Thùy	Trang	04/04/1993	02DS14A1	8.3	7.9	8.0		6.7		7.2	Đạt
32	2213360259	Trần Thị Quỳnh	Trang	01/08/2006	02DS14C1	6.6	4.9	5.5		4.3		4.8	Đạt
33	2213240207	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/07/1997	02DS14A1	8.1	8.3	8.2		4.7		6.1	Đạt
34	2213360105	Nguyễn Nguyễn Tuấn	Tú	29/08/2006	02DS14C1	5.4	6.4	6.1		5.2		5.5	Đạt
35	2213240195	Chiêm Thanh	Tuyền	03/03/1997	02DS14A1	9.0	7.7	8.1		8.7		8.4	Đạt
36	2213360054	Nguyễn Hải	Vân	31/10/2003	02DS14C1	10.0	8.3	8.9		8.5		8.6	Đạt
37	2213360225	Phạm Thị Yến	Vi	24/01/2006	02DS14C1	5.8	5.9	5.9		7.0		6.5	Đạt
38	2213240157	Lê Ngọc	Xuân	19/06/1988	02DS14A1	9.2	7.3	7.9		7.2		7.5	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: QUẢN LÝ DƯỢC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
1	2213240112	Lê Quang Bảo	Anh	22/07/1993	02DS14A1	7.5	8.0	7.8		9.0		8.5	Đạt	
2	2213360203	Trần Ngọc	Bích	19/03/2006	02DS14C1	5.5	5.5	5.5		4.8		5.1	Đạt	
3	2213240153	Lê Ngọc Huỳnh	Châu	28/11/1996	02DS14A1	6.0	5.5	5.7		7.2		6.6	Đạt	
4	2213360232	Lê Thúy	Diệu	08/09/2006	02DS14C1	8.0	7.5	7.7		9.3		8.6	Đạt	
5	2213180001	Trần Văn	Đức	02/01/1965	02DS14A1	8.0	7.5	7.7		8.2		8.0	Đạt	
6	2213360038	Nguyễn Tiến	Dũng	07/09/2006	02DS14C1	5.0	5.0	5.0		6.5		5.9	Đạt	
7	2213360277	Nguyễn Trường Khánh	Duyên	08/03/2005	02DS14C1	6.5	5.0	5.5		4.2		4.7	Đạt	
8	2213360022	Nguyễn Thu	Hà	18/03/2004	02DS14C1	6.5	6.0	6.2		6.8		6.5	Đạt	
9	2213180015	Phạm Thị	Hoa	20/08/1990	02DS14A1	8.0	7.5	7.7		9.0		8.5	Đạt	
10	2213360157	Trần Thị Thu	Hoài	26/07/1993	02DS14C1	5.5	7.5	6.8		7.8		7.4	Đạt	
11	2213360196	Đàm Đình	Hợp	30/07/2006	02DS14C1	5.0	6.5	6.0		5.7		5.8	Đạt	
12	2213360112	Lương Huỳnh Gia	Huy	01/06/2006	02DS14C1	6.5	6.0	6.2		6.3		6.2	Đạt	
13	2213360347	Ngô Phi Gia	Huy	02/08/2006	02DS14C1	6.0	5.5	5.7		6.2		6.0	Đạt	
14	2213360001	Quý Công Huyền Tôn Nữ CLam			31/05/2003	02DS14C1	5.0	6.5	6.0		6.5		6.3	Đạt
15	2213240163	Võ Thành	Luân	18/01/2003	02DS14A1	5.5	6.5	6.2		6.3		6.2	Đạt	
16	2203360318	Bùi Thị Kim	Ngân	09/02/1990	02DS14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
17	2213360114	Trịnh Hoàng Bích	Ngọc	20/07/2006	02DS14C1	5.0	6.0	5.7		7.2		6.6	Đạt	
18	2213360076	Nguyễn Thị Yến	Nhi	25/02/2006	02DS14C1	4.5	6.0	5.5		7.0		6.4	Đạt	
19	2213240164	Trịnh Thị	Như	23/08/1996	02DS14A1	8.5	7.5	7.8		8.5		8.2	Đạt	
20	2213240095	Lê Hồng	Nữ	01/01/1993	02DS14A1	7.5	7.5	7.5		6.8		7.1	Đạt	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: QUẢN LÝ DƯỢC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
21	2213360247	Nguyễn Lan	Phuong	29/9/2006	02DS14C1	5.5	6.0	5.8		7.7		7.0	Đạt
22	2213360101	Hồ Ngọc Xuân	Quỳnh	21/11/2006	02DS14C1	6.0	7.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
23	2213180003	Dương Tấn	Thanh	20/09/1976	02DS14A1	8.0	8.5	8.3		9.8		9.2	Đạt
24	2213360062	Lâm	Thành	29/04/1996	02DS14C1	9.0	8.0	8.3		8.8		8.6	Đạt
25	2213360165	Phạm Phương	Thảo	03/06/2006	02DS14C1	6.0	6.5	6.3		5.2		5.7	Đạt
26	2213360185	Đặng Võ Văn	Thịnh	01/02/2006	02DS14C1	5.0	7.0	6.3		7.8		7.2	Đạt
27	2213240166	Nguyễn Thị Diệu	Thu	10/01/1999	02DS14A1	7.5	6.5	6.8		8.5		7.8	Đạt
28	216020038	Phạm Minh	Thừa	12/15/1997	02DS14A1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
29	2213360097	Giang Quỳnh	Thương	21/07/2006	02DS14C1		6.0	4.0	TBKT			1.6	Học lại
30	2213360178	Lê Thị	Thương	10/12/1998	02DS14C1	7.5	7.5	7.5		8.8		8.3	Đạt
31	2213240128	Nguyễn Thị	Thúy	22/01/2003	02DS14A1	6.0	6.0	6.0		5.5		5.7	Đạt
32	2213180004	Lê Thị Thùy	Trang	04/04/1993	02DS14A1	7.5	8.0	7.8		8.3		8.1	Đạt
33	2213360259	Trần Thị Quỳnh	Trang	01/08/2006	02DS14C1	6.5	5.0	5.5		5.8		5.7	Đạt
34	2213240207	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/03/1997	02DS14A1	6.5	7.0	6.8		5.7		6.2	Đạt
35	2213360078	Trương Hoàng	Trinh	02/06/2004	02DS14C1	4.0		1.3	TBKT			0.5	Học lại
36	2213360105	Nguyễn Nguyễn Tuấn	Tú	29/08/2006	02DS14C1	6.0	7.5	7.0		6.2		6.5	Đạt
37	2213240195	Chiêm Thanh	Tuyền	03/03/1997	02DS14A1	7.0	7.0	7.0		8.5		7.9	Đạt
38	2213360054	Nguyễn Hải	Vân	31/10/2003	02DS14C1	6.5	8.0	7.5		8.8		8.3	Đạt
39	2213360225	Phạm Thị Yến	Vi	24/01/2006	02DS14C1	5.5	6.5	6.2		6.7		6.5	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: QUẢN LÝ DƯỢC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
40	2213240157	Lê Ngọc Xuân	19/06/1988	02DS14A1	6.0	6.5	6.3		7.2		6.9	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: HÓA PHÂN TÍCH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
						HS1	HS2	4.0		6.0	6.0		
1	2213240112	Lê Quang Bảo	Anh	22/07/1993	02DS14A1	9.0	8.5	8.7		9.7		9.3	Đạt
2	2213360203	Trần Ngọc	Bích	19/03/2006	02DS14C1	7.0	6.5	6.7		3.3		4.6	Đạt
3	2213240153	Lê Ngọc Huỳnh	Châu	28/11/1996	02DS14A1	8.0	7.5	7.7		6.5		7.0	Đạt
4	2213360232	Lê Thúy	Diệu	08/09/2006	02DS14C1	7.8	7.0	7.3		8.2		7.8	Đạt
5	2213180001	Trần Văn	Đức	02/01/1965	02DS14A1	7.5	6.8	7.0		5.8		6.3	Đạt
6	2213360038	Nguyễn Tiến	Dũng	07/09/2006	02DS14C1	6.5	5.3	5.7		4.3		4.8	Đạt
7	2213360277	Nguyễn Trường Khánh	Duyên	08/03/2005	02DS14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
8	2213360022	Nguyễn Thu	Hà	18/03/2004	02DS14C1	5.8	6.0	5.9		4.7		5.2	Đạt
9	2213180015	Phạm Thị	Hoa	20/08/1990	02DS14A1	9.0	8.3	8.5		8.0		8.2	Đạt
10	2213360157	Trần Thị Thu	Hoài	26/07/1993	02DS14C1	8.3	7.0	7.4		7.0		7.2	Đạt
11	2213360196	Đàm Đình	Hợp	30/07/2006	02DS14C1	4.0	5.0	4.7	TBKT			1.9	Học lại
12	2213360112	Lương Huỳnh Gia	Huy	01/06/2006	02DS14C1	6.5	5.8	6.0		6.5		6.3	Đạt
13	2213360347	Ngô Phi Gia	Huy	02/08/2006	02DS14C1	6.5	5.5	5.8		4.0		4.7	Đạt
14	2213360001	Quý Công Huyền Tôn Nữ CLam		31/05/2003	02DS14C1	8.8	7.5	7.9		7.3		7.5	Đạt
15	2213240163	Võ Thành	Luân	18/01/2003	02DS14A1	5.5	5.0	5.2		4.5		4.8	Đạt
16	2203360318	Bùi Thị Kim	Ngân	09/02/1990	02DS14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
17	2213360114	Trịnh Hoàng Bích	Ngọc	20/07/2006	02DS14C1	7.0	6.0	6.3		6.5		6.4	Đạt
18	2213360076	Nguyễn Thị Yến	Nhi	25/02/2006	02DS14C1	6.8	6.3	6.4		7.8		7.2	Đạt
19	2213240164	Trịnh Thị	Như	23/08/1996	02DS14A1	8.3	7.8	7.9		8.3		8.1	Đạt
20	2213240095	Lê Hồng	Nữ	01/01/1993	02DS14A1	8.0	7.0	7.3		5.7		6.4	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: HÓA PHÂN TÍCH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
21	2213360247	Nguyễn Lan	Phuong	29/9/2006	02DS14C1	7.0	6.0	6.3		6.0		6.1	Đạt
22	2213360101	Hồ Ngọc Xuân	Quỳnh	21/11/2006	02DS14C1	7.5	6.5	6.8		6.5		6.6	Đạt
23	2213180003	Dương Tấn	Thanh	20/09/1976	02DS14A1	8.5	8.5	8.5		9.8		9.3	Đạt
24	2213360062	Lâm	Thành	29/04/1996	02DS14C1	9.0	9.5	9.3		9.3		9.3	Đạt
25	2213360165	Phạm Phương	Thảo	03/06/2006	02DS14C1	6.5	6.5	6.5		6.3		6.4	Đạt
26	2213360185	Đặng Võ Văn	Thịnh	01/02/2006	02DS14C1	7.8	7.0	7.3		7.3		7.3	Đạt
27	2213240166	Nguyễn Thị Diệu	Thu	10/01/1999	02DS14A1	8.0	7.5	7.7		8.0		7.9	Đạt
28	216020038	Phạm Minh	Thừa	12/15/1997	02DS14A1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
29	2213360097	Giang Quỳnh	Thương	21/07/2006	02DS14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
30	2213360178	Lê Thị	Thương	10/12/1998	02DS14C1	7.5	7.3	7.3		9.3		8.5	Đạt
31	2213240128	Nguyễn Thị	Thúy	22/01/2003	02DS14A1	7.3	6.0	6.4		3.2		4.5	Đạt
32	2213180004	Lê Thị Thùy	Trang	04/04/1993	02DS14A1	8.5	8.0	8.2		9.5		9.0	Đạt
33	2213360259	Trần Thị Quỳnh	Trang	01/08/2006	02DS14C1	6.8	7.0	6.9		5.0		5.8	Đạt
34	2213240207	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/03/1997	02DS14A1	8.0	7.5	7.7		7.2		7.4	Đạt
35	2213360078	Trương Hoàng	Trình	02/06/2004	02DS14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
36	2213360105	Nguyễn Nguyễn Tuấn	Tú	29/08/2006	02DS14C1	7.0	5.5	6.0		5.2		5.5	Đạt
37	2213240195	Chiêm Thanh	Tuyền	03/03/1997	02DS14A1	7.5	8.0	7.8		7.7		7.8	Đạt
38	2213360054	Nguyễn Hải	Vân	31/10/2003	02DS14C1	8.5	8.0	8.2		8.2		8.2	Đạt
39	2213360225	Phạm Thị Yến	Vi	24/01/2006	02DS14C1	7.3	6.0	6.4		3.7		4.8	Đạt
40	2213240157	Lê Ngọc	Xuân	19/06/1988	02DS14A1	8.0	7.3	7.5		5.7		6.4	Đạt